

Bản án số: 193/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 16 - 8 - 2019.

V/v tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hồng Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lý Văn Hùng,

2. Ông Nguyễn Chí Lin.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thoa – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 16 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 412/2019/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 237/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lê Thanh T, sinh năm 1967. (có mặt)

Hộ khẩu thường trú: ấp B1, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An. Tạm trú: đường P, Phường B, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc M, sinh năm 1965. (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Khu vực H, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 12 tháng 4 năm 2019 và những lời khai tiếp theo, nguyên đơn ông Lê Thanh T trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị Ngọc M chung sống với nhau vào tháng 10 năm 1987, không có đăng ký kết hôn. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian dài, đến đầu năm 1992 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân mâu thuẫn là do cuộc sống vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, dù đã cố gắng hàn gắn nhưng không thành. Vợ chồng đã ly thân từ năm 1992 đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên Ông yêu cầu ly hôn với bà M.

Về con chung: Ông và bà M có 02 con chung là Lê Hoài P, sinh năm 1990 và Lê Hoài Ph, sinh năm 1988. Hai con đã trưởng thành.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc M trình bày: Bà và ông T xác lập quan hệ vợ chồng từ tháng 10 năm 1987 nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu, vợ

chồng chung sống hạnh phúc. Đến tháng 8 năm 1992, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông T có vợ nhỏ, về đánh đập vợ con. Vợ chồng sống ly thân từ năm 1992. Nay, ông T xin ly hôn thì Bà không đồng ý vì còn thương chồng.

Về con chung: Quá trình chung sống có 02 con chung là Lê Hoài P, sinh năm 1990 và Lê Hoài Ph, sinh năm 1988. Hai con đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cho bà Nguyễn Thị Ngọc M, bà M có bản tự khai và có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, giao nộp công khai chứng cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Ông T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị Ngọc M; bà M có hộ khẩu thường trú tại số 29 Khu vực 2, thị trấn Đức Hòa, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An và hiện đang có mặt tại địa phương nên Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, bị đơn bà M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ vào Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Ông T và bà M chung sống với nhau vào tháng 10 năm 1987 nhưng đến nay không có đăng ký kết hôn nên hôn nhân của ông T và bà M không được xem là hôn nhân hợp pháp, đã vi phạm vào Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]. Trong quá trình chung sống, ông T, bà M phát sinh mâu thuẫn nên sống ly thân từ tháng 8 năm 1992 cho đến nay. Ông T cho rằng năm 1992 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do cuộc sống vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, dù đã cố gắng hàn gắn nhưng không thành. Vợ chồng đã ly thân từ năm 1992 đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên Ông yêu cầu ly hôn với bà M. Ngược lại bà M cho rằng do ông T có vợ nhỏ, về đánh đập vợ con. Do ông T và bà M chung sống với nhau không có đăng ký kết hôn nên Hội đồng xét xử không công nhận ông Lê Thanh T và bà Nguyễn Thị Ngọc M là vợ chồng.

[4]. Về con chung: Ông T và bà M có 02 con chung là Lê Hoài P, sinh năm 1990 và Lê Hoài Ph, sinh năm 1988. Hai con đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về cấp dưỡng: Các đương không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Ông T, bà M trình bày không có, không

yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về án phí: Ông T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Thanh T đối với bà Nguyễn Thị Ngọc M về việc “Ly hôn”.

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Lê Thanh T và bà Nguyễn Thị Ngọc M là vợ chồng.

2. Về án phí: Ông T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0004523 ngày 19/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hoà, tỉnh Long An sang án phí để thi hành. Ông T đã nộp đủ.

Án xử sơ thẩm và tuyên án công khai, nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- *Đương sự;*
- *TAND tỉnh Long An;*
- *VKSND huyện Đức Hòa;*
- *UBND thị trấn Đ;*
- *Chi cục THADS huyện Đức Hòa;*
- *Lưu hồ sơ.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Hồng Sơn